

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ MINH HIỆU

## CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

### 1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trung tâm: TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ MINH HIỆU
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Địa chỉ hoạt động giáo dục: 176 Đường số 8, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận, TP.HCM.
- Điện thoại: 0842227842
- Địa chỉ thư điện tử: namlong@mhedu.vn
- Cổng thông tin điện tử (website):

### 2. Tên chi nhánh và địa chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ hoạt động | Điện thoại | Địa chỉ thư điện tử | Cổng thông tin điện tử (website) |
|-----|---------------|-------------------|------------|---------------------|----------------------------------|
| 1.  | Không có      |                   |            |                     |                                  |

### 3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trung tâm ngoại ngữ - tin học
- Chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH MTV MINH HIỆU
- Quốc gia/ Vùng lãnh thổ: Việt Nam
- Danh sách tổ chức, cá nhân góp vốn:

| STT | Tên Tổ chức, cá nhân góp vốn | Tỷ lệ % |
|-----|------------------------------|---------|
| 1.  | CÔNG TY TNHH MTV MINH HIỆU   | 100%    |

### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- *Sứ mạng*: Thông qua việc khám phá tiềm năng riêng biệt ở mỗi cá nhân và phát triển khả năng ấy đến mức tối ưu, chúng tôi mong muốn đào tạo nên những công dân đức độ và tài năng,

qua đó góp phần vào sự phát triển của cộng đồng thế giới.

- *Tầm nhìn:* Chúng tôi mong muốn mang đến cơ hội học tập Phương pháp Kumon đến với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ. Chúng tôi tin rằng mỗi cá nhân trên thế giới đều có thể chủ động khám phá tri thức, nuôi dưỡng niềm đam mê học hỏi và nỗ lực hết mình để biến ước mơ thành hiện thực.

- *Mục tiêu:* Cung cấp các chương trình dạy theo phương pháp Kumon chất lượng; hiệu quả, hỗ trợ học viên phát triển khả năng tự học, kỷ luật, tự tin, chủ động hội nhập; đồng thời đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, mở rộng quy mô và khẳng định uy tín trong lĩnh vực giáo dục ngoài công lập.

## **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Sau khi được cấp phép thành lập vào ngày 09/07/2026 Trung tâm chính thức hoạt động tuyển sinh và giảng dạy.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:**

- Họ và tên: Phùng Thúy Vân
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ làm việc: 176 Đường số 8, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận, TPHCM.
- Số điện thoại: 0842227842
- Địa chỉ thư điện tử: namlong@mhedu.vn

## **7. Tổ chức bộ máy:**

**a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);**

| Tên quyết định                                                 | Tên trung tâm                 | Số quyết định | Ngày cấp quyết | Cơ quan cấp                     |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------|
| Quyết định Về cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu | Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu | 2366/QĐ-SGDĐT | 09/07/2026     | Sở Giáo dục và Đào tạo<br>TPHCM |

## Hình ảnh Quyết định thành lập

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2366 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của bà Phùng Thủy Vân – Giám đốc Công ty TNHH MTV Minh Hiệu và của Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu**

1. Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu hoạt động giáo dục tại địa chỉ: 176 Đường số 8, KDC Nam Long, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu là cơ sở giáo dục thường xuyên loại hình tự thực, có con dấu, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Nhà nước; chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nội dung chương trình giáo dục thực hiện tại trung tâm:

a) Môn dạy: tiếng Anh.

b) Chương trình giảng dạy: tiếng Anh Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3 và Bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc quy đổi tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hoạt động dạy học được tổ chức theo hình thức dạy học trực tiếp.

**Điều 2. Trách nhiệm của Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu, Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và Công ty TNHH MTV Minh Hiệu**

1. Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Thực hiện công bố công khai và có trách nhiệm giải trình các cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính của trung tâm theo quy định hiện hành.

c) Thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

2. Công ty TNHH MTV Minh Hiệu có trách nhiệm:

a) Tổ chức và hoạt động Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu theo đúng chương trình giáo dục nêu tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề liên quan đến nhân sự, người học; xử lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất của Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu.

d) Chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục theo quy định.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Phòng Giáo dục Thường xuyên - Nghề nghiệp và Đại học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Công ty TNHH MTV Minh Hiệu, Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu có trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ky*

Nơi nhận:

- Văn Điều 4;  
- Công an TP HCM;  
- UBND phường Tân Thuận;  
- Phó Giám đốc phụ trách;  
- Lưu: VT, TCCB (HB).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tân Phát

## Hình ảnh quyết định công nhận giám đốc trung tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 3110 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận Giám đốc  
Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Theo Quyết định số 2366/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu;

Xét đề nghị của bà Phùng Thủy Vân – Giám đốc Công ty TNHH MTV Minh Hiệu và của Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Công nhận bà Phùng Thủy Vân**

Giữ nhiệm vụ: Giám đốc - Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu;

Nhiệm kỳ: 05 năm.

**Điều 2.** Bà Phùng Thủy Vân có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ, tin học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các văn bản về tổ chức quản lý hoạt động trung tâm ngoại ngữ, tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố ban hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Phòng Giáo dục Thường xuyên - Nghề nghiệp và Đại học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Công ty TNHH MTV Minh Hiệu, Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và bà Phùng Thủy Vân có trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ky*

Nơi nhận:

- Văn Điều 4;  
- Công an TP HCM;  
- UBND phường Tân Thuận;  
- Phó Giám đốc phụ trách;  
- Lưu: VT, TCCB (HB).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tân Phát

**b. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):** *Không có*

**c. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).**

- Họ và tên: Phùng Thúy Vân

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0842227842

- Địa chỉ nơi làm việc: 176 Đường số 8, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận, TPHCM.

- Nhiệm vụ và trách nhiệm: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của Trung tâm. Đảm bảo hoạt động đào tạo của Trung tâm tuân thủ và thống nhất với chính sách, nội dung đào tạo của Trung tâm. Giám sát các hoạt động hàng ngày của Trung tâm để đảm bảo mọi hoạt động của Trung tâm tuân thủ chính sách và quy định của pháp luật liên quan.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
Ký tên, đóng dấu  
  
**Phùng Thúy Vân**

## CÔNG KHAI THÔNG TIN THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- Các khoản chi:

- Chi tiền lương:

| STT | Nội dung chi                              | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Lương                                     | 54,000,000                 |
| 2.  | Phụ cấp                                   | 12,000,000                 |
| 3.  | Lương tăng thêm                           |                            |
| 4.  | Các khoản chi khác có tính chất như lương |                            |

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ:

| STT | Nội dung chi                                                                                            | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Chi mua sắm                                                                                             | 30,000,000                 |
| 2.  | Duy tu sửa chữa                                                                                         | 350,000,000                |
| 3.  | Bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất                                                                    | 20,000,000                 |
| 4.  | Trang thiết bị                                                                                          | 40,000,000                 |
| 5.  | Thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ |                            |

t- Chi hỗ trợ người học:

| STT | Nội dung chi         | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|----------------------|----------------------------|
| 1.  | Học bổng             |                            |
| 2.  | Trợ cấp              |                            |
| 3.  | Hỗ trợ sinh hoạt     |                            |
| 4.  | Hoạt động phong trào |                            |
| 5.  | Thi đua              |                            |

|    |             |  |
|----|-------------|--|
| 6. | Khen thưởng |  |
|----|-------------|--|

- Chi khác:

| STT | Nội dung chi | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|--------------|----------------------------|
| 1.  |              |                            |
| 2.  |              |                            |
| 3.  |              |                            |

**- Các khoản thu và mức thu đối với người học:**

+ Học phí: 1.500.000 đồng

+ Lệ phí: 300.000 đồng

+ Tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển: Không có

**- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:** Không có

**- Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù:** Không có

**- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở:** Công khai học phí



**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

Ký tên, đóng dấu

Phùng Thúy Vân

**CÔNG KHAI**  
**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO**  
**DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

- Giám đốc trung tâm (họ và tên): Phùng Thúy Vân

| Trình độ | Căn cước     |
|----------|--------------|
| Thạc sĩ  | 079180025016 |

Tổng số giáo viên người Việt Nam:

| Trình độ    | Cơ hữu (người) | Thỉnh giảng (người) |
|-------------|----------------|---------------------|
| Cao Đẳng    |                |                     |
| Đại học     | 2              |                     |
| Sau Đại học |                |                     |

- Tổng số giáo viên người nước ngoài: Không có

- Tổng số nhân viên:

| Trình độ    | Cơ hữu (người) | Thời vụ (người) |
|-------------|----------------|-----------------|
| Cao Đẳng    |                |                 |
| Đại học     | 1              |                 |
| Sau Đại học |                |                 |

**2. Thông tin về cơ sở vật chất:**

- Tổng số phòng học:

| STT | Tên phòng học       | Diện tích                  | Vị trí tầng |
|-----|---------------------|----------------------------|-------------|
| 1.  | Phòng học Tiếng Anh | 7m x 5m = 35m <sup>2</sup> | Tầng 2      |
|     |                     |                            |             |

- Tổng số Phòng chức năng:

| STT | Tên phòng chức năng | Diện tích                  | Vị trí tầng |
|-----|---------------------|----------------------------|-------------|
| 1.  | Phòng tiếp tân      | 7m x 5m = 35m <sup>2</sup> | Tầng 1      |
| 2.  | Phòng Giám đốc      | 4m x 5m = 20m <sup>2</sup> | Tầng 3      |

|    |                 |                            |        |
|----|-----------------|----------------------------|--------|
| 3. | Phòng nhân viên | 4m x 5m = 20m <sup>2</sup> | Tầng 2 |
|----|-----------------|----------------------------|--------|

- Số lượng thiết bị dạy học hiện có:

| STT | Tên thiết bị      | Số lượng |
|-----|-------------------|----------|
| 1.  | Bàn học sinh      | 11       |
| 2.  | Ghế học sinh      | 22       |
| 3.  | Bảng              | 2        |
| 4.  | Máy tính          | 6        |
| 5.  | Máy chiếu         | 0        |
| 6.  | Tivi              | 0        |
| 7.  | Kệ sách           | 1        |
| 8.  | Máy in, máy photo | 2        |

**3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:** Không có

**3.1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình**

- Tên chương trình: Chương trình Tiếng anh theo phương pháp Kumon
- Quốc gia cung cấp: Nhật Bản
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình: Kumon Institute of Education Co.,Ltd (KIE) là một tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Nhật Bản

**Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục:** Không có

**3.2. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục:** Tiếng Việt

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
 Ký tên, đóng dấu  
  
**Phùng Thúy Vân**

**CÔNG KHAI**  
**KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG**  
**XUYỀN**

**1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học:**

**1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục:**

- Đối tượng tuyển sinh: Thiếu nhi và thiếu niên
- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh: mỗi tháng
- Các thông tin liên quan khác:

**1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:**

| Khóa học                                  | Quý 3/2026<br>(số lớp) | Quý 4/2026<br>(số lớp) | Tổng cộng<br>(số lớp) |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Sơ cấp 1<br>(7A, 6A, 5A, 4A, 3A và 2A)    | 3                      | 3                      | 6                     |
| Sơ cấp 2<br>(A, B, C, D, E, F, G, H và I) | 3                      | 3                      | 6                     |

**1.3. Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:**

**- Chương trình Tiếng Anh thiếu nhi (sơ cấp):**

+ *Mục tiêu:* Giúp học viên hình thành vốn từ vựng cơ bản đến nâng cao; phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; biết xây dựng câu, đoạn văn, tóm tắt nội dung; rèn phát âm, trọng âm và ngữ pháp cơ bản.

+ *Tài liệu:* Giáo trình Kumon do Viện Giáo dục Kumon (Nhật Bản) biên soạn, in ấn tại Malaysia và nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam; thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh.

+ *Thời lượng:* Mỗi cấp độ gồm 16–24 tiết, thời gian học từ 2–3 tháng; nội dung học tăng dần từ nhận biết từ vựng đơn giản, cấu trúc câu cơ bản đến kỹ năng diễn đạt, viết câu/đoạn phức tạp.

**- Chương trình Tiếng Anh thiếu niên (trung cấp):**

+ *Mục tiêu:* Giúp học viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, phân tích, mở rộng vốn từ

vững; làm quen với các cấu trúc ngữ pháp và văn bản dài hơn.

+ *Tài liệu*: Giáo trình Kumon, thường xuyên được cập nhật; có bổ sung công cụ hỗ trợ (CD, tài liệu nghe – nhìn).

+ *Thời lượng*: Mỗi cấp độ 24 tiết, thời gian học 3 tháng; nội dung học gồm đọc hiểu truyện, tiểu luận, bài viết dài từ 500 đến 1.200 từ, phân tích nhân vật, cấu trúc văn bản, luyện kỹ năng phê bình và viết nâng cao.

**1.4. Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội đối với các chương trình giáo dục thường xuyên giảng dạy cho học viên dưới 18 tuổi: Không có**

**1.5. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục: Không có**

**2. Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục trong năm học trước:**

**1.1 Kết quả tuyển sinh trong năm học trước: 0 (trung tâm mới thành lập)**

**1.2 Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp phải công khai thêm nội dung: số lượng người học đang học. (chia theo số lượng người học là người Việt Nam, số lượng người học là người nước ngoài): Không có**

**1.3 Kết quả thi các chứng chỉ quốc tế: Không có**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

**Ký tên, đóng dấu**



**Phùng Thúy Vân**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ MINH HIỆU

CÔNG KHAI DANH SÁCH NHÂN VIÊN

| Mã trung tâm: TTNN.TH-2016 |                |          |          |                      |           |                     |
|----------------------------|----------------|----------|----------|----------------------|-----------|---------------------|
| STT                        | Họ và tên      | Năm sinh | Trình độ | Ngày ký<br>HĐ LĐĐộng | Đóng BHXH | Vị trí việc làm     |
| 1                          | Nguyễn Mai Thư | 1999     | Đại học  | 20/3/2026            | Có        | Hành chính - Lễ Tân |
| 2                          |                |          |          |                      |           |                     |

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM  
Ký tên, đóng dấu  
CÔNG TY TNHH  
MTV MINH HIỆU  
M.S.D.N.0319381  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Phùng Thúy Vân

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ MINH HIỆU

CÔNG KHAI DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI VIỆT NAM

| Mã trung tâm: TTNN.TH-2016 |                    |          |          |              |                             |                        |                  |           |
|----------------------------|--------------------|----------|----------|--------------|-----------------------------|------------------------|------------------|-----------|
| STT                        | Họ và tên          | Năm sinh | Trình độ | Chuyên ngành | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm | Cơ hữu/<br>Thỉnh giảng | Ngày ký hợp đồng | Đóng BHXH |
| 1                          | Lý Đăng Hưng       | 1990     | Đại học  | Ngôn ngữ Anh | Có                          | Cơ hữu                 | 27/2/2026        | Có        |
| 3                          | Trần Thị Hoàng Anh | 1996     | Đại học  | Ngôn ngữ Anh | Có                          | Cơ hữu                 | 29/4/2026        | Có        |

GIAM ĐỐC TRUNG TÂM  
Ký tên, đóng dấu  
CÔNG TY TNHH MTV MINH HIỆU  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Phùng Thủy Vân

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ MINH HIỆU

CÔNG KHAI VỀ HỌC PHÍ

| Mã trung tâm: TTNN.TH-2016 |           |                                               |          |                     |                     |
|----------------------------|-----------|-----------------------------------------------|----------|---------------------|---------------------|
| STT                        | Môn dạy   | Tên chương trình giảng dạy                    | Cấp độ   | Học phí năm 2025    | Học phí năm 2026    |
| 1                          | Tiếng Anh | Chương trình Tiếng Anh theo phương pháp Kumon | 7A đến O | 1,500,000 VND/tháng | 1,500,000 VND/tháng |
|                            |           |                                               |          | Ghi chú             |                     |

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu



DEPARTMENT OF EDUCATION AND TRAINING

FORM 01

HO CHI MINH CITY

MINH HIEU FOREIGN LANGUAGE CENTER

## DISCLOSURE OF GENERAL INFORMATION ON THE EDUCATIONAL INSTITUTION

### 1. Name of the educational institution:

- Name of the center: Minh Hieu Foreign Language Center
- Name in foreign language (if any):
- Address of educational operation: 176 Street No. 8, Nam Long Residential Area, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City
- Telephone: 0842227842
- Email address: namlong@mhedu.vn
- Website/portal:

### 2. Names and addresses of branches of the educational institution, telephone, email address, website/portal (hereinafter collectively referred to as “website/portal”):

| No. | Branch name | Address of operation | Telephone | Email address | Website/portal |
|-----|-------------|----------------------|-----------|---------------|----------------|
| 1   | None        |                      |           |               |                |

### 3. Type of educational institution, directly managing agency/organization or owner; name of the investor establishing the educational institution, country/territory (for educational institutions with foreign investment); list of organizations and individuals contributing capital:

- Type of educational institution: foreign language and computer center
- Owner: MINH HIEU ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY
- Country/Territory: Viet Nam
- List of capital-contributing organizations and individuals:

| No. | Name of contributing organization/individual   | Percentage (%) |
|-----|------------------------------------------------|----------------|
| 1   | MINH HIEU ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY | 100%           |

### 4. Mission, vision, and objectives of the educational institution:

- *Mission:* By discovering each individual's unique potential and developing it to the

fullest, we aspire to nurture virtuous and talented citizens, thereby contributing to the advancement of the global community.

- *Vision*: We aim to bring the opportunity to learn through the Kumon Method to every country and territory. We believe that every individual in the world has the ability to actively explore knowledge, cultivate a passion for learning, and strive to make their dreams come true.

- *Objectives*: To provide high-quality Math teaching programs based on the Kumon Method that effectively support learners in developing self-learning ability, discipline, confidence, and proactiveness for global integration; while investing in modern facilities, expanding scale, and affirming our credibility in the field of non-public education.

## **5. Summary of establishment and development history of the educational institution:**

Following its establishment license issued on 09 July 2026, center officially start teaching activities

## **6. Information on the legal representative, spokesperson, or contact person:**

- Full name: Phung Thuy Van

- Position: Director

- Work address: 176 Street No. 8, Nam Long Residential Area, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City

- Telephone: 0842227842

- Email address: namlong@mhedu.vn

## **7. Organizational structure:**

**a) Decisions on establishment, approval for establishment, merger, division, separation, approval for educational operation, suspension of educational operation of the educational institution or its branches (if any); Decision on appointment of the Director:**

| <b>Name</b>                                                                                 | <b>Center name</b>                | <b>Number</b> | <b>Issued date</b> | <b>Department</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------|--------------------|-------------------|
| Decision on granting permission to establish Minh Hieu one member limited liability company | Minh Hieu Foreign Language Center | 2366/QĐ-SGDĐT | 09 July 2026       | DOET HCMC         |

Picture of license (establish)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2366 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của bà Phùng Thủy Vân – Giám đốc Công ty TNHH MTV Minh Hiệu và của Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu**

1. Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu hoạt động giáo dục tại địa chỉ: 176 Đường số 8, KDC Nam Long, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu là cơ sở giáo dục thường xuyên loại hình tư thục, có con dấu, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Nhà nước; chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nội dung chương trình giáo dục thực hiện tại trung tâm:

a) Môn dạy: tiếng Anh.

b) Chương trình giảng dạy: tiếng Anh Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3 và Bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc quy đổi tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hoạt động dạy học được tổ chức theo hình thức dạy học trực tiếp.

**Điều 2. Trách nhiệm của Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu, Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và Công ty TNHH MTV Minh Hiệu**

1. Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Thực hiện công bố công khai và có trách nhiệm giải trình các cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính của trung tâm theo quy định hiện hành.

c) Thực hiện công tác làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Công ty TNHH MTV Minh Hiệu có trách nhiệm:

a) Tổ chức và hoạt động Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu theo đúng chương trình giáo dục nêu tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề liên quan đến nhân sự, người học; xử lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất của Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu.

d) Chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Phòng Giáo dục Thường xuyên - Nghề nghiệp và Đại học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Công ty TNHH MTV Minh Hiệu, Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công an TPHCM;
- UBND phường Tân Thuận;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- Lưu: VT, TCCB (HB).

**GIÁM ĐỐC**  
  
Nguyễn Tân Phát

Picture of licence (director)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 3110 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận Giám đốc  
Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Theo Quyết định số 2366/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu;

Xét đề nghị của bà Phùng Thủy Vân – Giám đốc Công ty TNHH MTV Minh Hiệu và của Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Công nhận bà Phùng Thủy Vân**

Giữ nhiệm vụ: Giám đốc - Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu.

Nhiệm kỳ: 05 năm.

Điều 2. Bà Phùng Thủy Vân có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ, tin học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các văn bản về tổ chức quản lý hoạt động trung tâm ngoại ngữ, tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Phòng Giáo dục Thường xuyên - Nghề nghiệp và Đại học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Công ty TNHH MTV Minh Hiệu, Trung tâm ngoại ngữ Minh Hiệu và bà Phùng Thủy Vân có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công an TPHCM;
- UBND phường Tân Thuận;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- Lưu: VT, TCCB (HB).

**GIÁM ĐỐC**  
  
Nguyễn Tân Phát

**b) Decisions on establishment, merger, division, separation, dissolution of affiliated units/members (if any):** None

**c) Full name, position, telephone, email address, workplace address, duties, and responsibilities of the institution's leaders and leaders of affiliated units/members (if any):**

- Full name: Phung Thuy Van

- Position: Director

- Telephone: 0842227842

- Workplace address: 176 Street No. 8, Nam Long Residential Area, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City

- Duties and Responsibilities: To manage and administer all activities of the Center; to ensure that the Center's training activities comply with and are consistent with its policies and training programs; and to supervise the Center's daily operations in order to guarantee that all activities are conducted in accordance with its policies and the applicable legal regulations.

**DIRECTOR OF THE CENTER**

*(Signed and sealed)*



**Phung Thuy Van**

## HO CHI MINH CITY

## MINH HIEU FOREIGN LANGUAGE CENTER

## DISCLOSURE OF FINANCIAL REVENUES AND EXPENDITURES

**1. Financial situation of the educational institution in the fiscal year immediately preceding the reporting period, in accordance with law, including the structure of revenues and expenditures as follows:**

**- Expenses:**

**- Salary:**

| No | Content   | Amount (VND) |
|----|-----------|--------------|
| 1  | Salary    | 54,000,000   |
| 2  | Allowance | 12,000,000   |
| 3  | Increase  |              |
| 4  | Other     |              |

**- Expenditure on facilities and services:**

| No | Content                                                                                     | Amount (VND) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1  | Procurement expenses                                                                        | 30,000,000   |
| 2  | Maintenance and repair                                                                      | 350,000,000  |
| 3  | Maintenance and operation of facilities                                                     | 20,000,000   |
| 4  | Equipment                                                                                   | 40,000,000   |
| 5  | Hiring of services directly related to education, training, research, and staff development |              |

**- Student:**

| No | Content                    | Amount (VND) |
|----|----------------------------|--------------|
| 1  | Scholarships               |              |
| 2  | Allowances                 |              |
| 3  | Living allowances          |              |
| 4  | Extracurricular activities |              |

|   |              |  |
|---|--------------|--|
| 5 | Competitions |  |
| 6 | Awards       |  |

- Other:

| No | Content | Amount (VND) |
|----|---------|--------------|
| 1  |         |              |
| 2  |         |              |
| 3  |         |              |

**Revenues and applicable amounts payable by learners:**

- Tuition fees: 1.500.000 VND

- Charges: 300.000 VND

- All revenues and applicable amounts other than tuition fees and charges (if any) applicable during the course and projected for each subsequent course or level of education prior to enrollment/admission: None

**Annual policies and results of implementation regarding subsidies, tuition fee exemptions and reductions, scholarships for learners:** None

**Balance of funds as prescribed, including specific funds (if any):** None

**Other financial disclosure contents implemented in accordance with the provisions of law on finance, budget, accounting, auditing, and grassroots democracy:** None

**DIRECTOR OF THE CENTER**  
*(Signed and sealed)*  
  
**Phung Thuy Van**

## DISCLOSURE CONDITIONS ENSURING QUALITY OF CONTINUING EDUCATION ACTIVITIES

### 1. Information on teaching staff, administrators and employees:

- Director (name): Phung Thuy Van

| Level           | ID           |
|-----------------|--------------|
| Post University | 079180025016 |

- Total of Vietnamese teacher:

| Level           | Full time teacher | Part-time teacher |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| College         |                   |                   |
| University      | 2                 |                   |
| Post University |                   |                   |

- Total of foreign teacher:

- Total of staff: 1

| Level           | Full time | Part-time |
|-----------------|-----------|-----------|
| College         |           |           |
| University      | 1         |           |
| Post University |           |           |

### 2. Information on facilities:

- a) Number and total area of classrooms, subject classrooms, functional rooms, and professional/administrative rooms according to the organizational structure of the center;

- Total number of classrooms: 02 rooms, including:

| No. | Room Name    | Area / Room                | Location (Floor)      |
|-----|--------------|----------------------------|-----------------------|
| 1   | English room | 7m x 5m = 35m <sup>2</sup> | 2 <sup>nd</sup> floor |
|     |              |                            |                       |

- Total number of functional rooms: 04 rooms, including:

| No. | Room Name     | Area / Room                | Location (Floor)      |
|-----|---------------|----------------------------|-----------------------|
| 1   | Reception     | 7m x 5m = 35m <sup>2</sup> | 1 <sup>st</sup> floor |
| 2   | Director room | 4m x 5m = 20m <sup>2</sup> | 3 <sup>rd</sup> floor |

|   |            |                            |                       |
|---|------------|----------------------------|-----------------------|
| 3 | Staff room | 4m x 5m = 20m <sup>2</sup> | 2 <sup>nd</sup> floor |
|---|------------|----------------------------|-----------------------|

b) Number of teaching equipment available as prescribed in the list of minimum teaching equipment for upper secondary level, compared against the minimum requirements under regulations.

| No. | Name of Equipment / Teaching Aid (provided in classroom) | Quantity |
|-----|----------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Student Desk                                             | 11       |
| 2   | Student Chair                                            | 22       |
| 3   | Board                                                    | 2        |
| 4   | Computer                                                 | 6        |
| 5   | Projector                                                | 0        |
| 6   | Television                                               | 0        |
| 7   | Bookshelf                                                | 1        |
| 8   | Printer / Photocopier                                    | 2        |

**3. Information on educational quality assessment and accreditation results: none**

3.1 Name of the program, the country providing the program, and detailed information on the partner institution(s) implementing the integrated education program;

- *Program name:* English Program under the Kumon Method

- *Country of origin:* Japan

- *Detailed information on the program provider:* Kumon Institute of Education Co., Ltd (KIE) is an organization established and operating under Japanese law.

Name of the foreign educational quality accreditation body or competent authority recognizing the educational quality: *None*

3.2 Language(s) used in the educational activities: *Vietnamese*

**DIRECTOR OF THE CENTER**  
*(Signed and sealed)*  
  
**Phùng Thụy Van**

**DEPARTMENT OF EDUCATION AND TRAINING HO CHI  
MINH CITY  
MINH HIEU FOREIGN LANGUAGE CENTER**

---

**FORM 4**

**DISCLOSURE PLAN AND RESULTS OF  
CONTINUING EDUCATION ACTIVITIES**

**1. Information on the educational activity plan for the academic year:**

**1.1. Enrollment Plan of the Educational Institution:**

- Target Students: children and teenagers
- Enrollment Timelines: Monthly
- Other Related Information:

**1.2. Educational institution's educational plan:**

| <b>Course</b>                                 | <b>Quarter<br/>3/2026<br/>(No. of<br/>class)</b> | <b>Quarter<br/>4/2026<br/>(No. of<br/>class)</b> | <b>Total<br/>(No. of<br/>class)</b> |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------|
| Elementary 1<br>(7A, 6A, 5A, 4A, 3A và 2A)    | 3                                                | 3                                                | 6                                   |
| Elementary 2<br>(A, B, C, D, E, F, G, H và I) | 3                                                | 3                                                | 6                                   |

**1.3 Education plan of the educational institution:**

**- English Program for Children (Elementary Level):**

- + *Objective*: To enable learners to develop vocabulary from basic to advanced levels; to improve listening, speaking, reading, and writing skills; to construct sentences and paragraphs, summarize content; to practice pronunciation, stress, and basic grammar.
- + *Materials*: Kumon textbooks compiled by Kumon Institute of Education (Japan), printed in Malaysia and legally imported into Vietnam; regularly updated and revised.
- + *Duration*: Each level consists of 16–24 lessons, with a study period of 2–3 months; the content progresses gradually from recognizing simple vocabulary and basic sentence

structures to skills in expression and writing complex sentences/paragraphs.

**- English Program for Teenagers (Intermediate Level):**

+ *Objective*: To enhance learners' reading comprehension, summarization, analytical skills, and vocabulary expansion; to familiarize learners with more complex grammar structures and longer texts.

+ *Materials*: Kumon textbooks, regularly updated; supplemented with supporting tools (CDs, audio-visual materials).

+ *Duration*: Each level consists of 24 lessons, with a study period of 3 months; the content includes comprehension of stories, essays, and texts ranging from 500 to 1,200 words, analysis of characters and text structures, as well as training in critical skills and advanced writing.

**1.4. Requirements for coordination between the educational institution, families and society regarding continuing education programs taught to learners under 18 years old:** None

**1.5. Support activities for learners' study and daily life at the educational institution:** None

**2. Information on educational outcomes of the previous academic year:**

2.1 Enrollment results in the previous academic year: 0 student (new center).

2.2 Educational institutions implementing foreign educational programs or integrated educational programs must additionally disclose: ...the number of enrolled learners (... Vietnamese, ...Foreign): None

2.3 Results of international certification exams: None

**DIRECTOR OF THE CENTER**

*(Signed and sealed)*



**Phung Thuy Van**

DEPARTMENT OF EDUCATION AND

FORM 05

TRAINING HO CHI MINH CITY

MINH HIEU FOREIGN LANGUAGE CENTER

DISCLOSURE LIST OF STAFF

Center code: TTNN.TH-2016

| No. | Full Name      | Year of Birth | Qualification | Date of Employment Contract | Social Insurance Contribution | Job Position                  |
|-----|----------------|---------------|---------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Nguyen Mai Thu | 1999          | University    | 20/3/2026                   | Yes                           | Administration - Receptionist |

DIRECTOR OF THE CENTER

(Signed and sealed)



Phung Thuy Van

**DEPARTMENT OF EDUCATION AND  
TRAINING HO CHI MINH CITY  
CENTER OF MINH HIEU FOREIGN LANGUAGE**

**FORM 06**

**DISCLOSURE LIST OF VIETNAMESE TEACHERS**

**Center Code: TTNH.TH-2016**

| No. | Full Name          | Year<br>of<br>Birth | Qualification | Major   | Pedagogical<br>Certificate | Full-time / Part-<br>time | Date of Signing | Social<br>Insurance |
|-----|--------------------|---------------------|---------------|---------|----------------------------|---------------------------|-----------------|---------------------|
| 1   | Ly Dang Hung       | 1990                | University    | English | Yes                        | Full-time                 | 27/2/2026       | Yes                 |
| 2   | Tran Thi Hoang Anh | 1996                | University    | English | Yes                        | Full-time                 | 29/4/2026       | Yes                 |

**DIRECTOR OF THE CENTER**

(Signed and sealed)



Phùng Thủy Van

DEPARTMENT OF EDUCATION AND  
TRAINING HO CHI MINH CITY  
MINH HIEU FOREIGN LANGUAGE CENTER

FORM 08

DISCLOSURE OF TUITION FEES

Center Code: TTNN.TH-2016

| No. | Subject | Name of Training Program                   | Level  | Tuition Fee for<br>2025 | Tuition Fee for<br>2026 | Remarks |
|-----|---------|--------------------------------------------|--------|-------------------------|-------------------------|---------|
| 1   | Egnlish | Teaching English using the Kumon<br>method | 6A - O | 1,500,000<br>VND/month  | 1,500,000<br>VND/month  |         |

DIRECTOR OF THE CENTER

(Signed and sealed)



Phùng Thủy Van